

Số: 08/2023/QĐST-DS

Chư Prông, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sử Duy H; Chức vụ: Trưởng Phòng Giao dịch C Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh G;

Địa chỉ: 749 - 751 H, thị trấn Chuyên C, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Xuân T; Chức vụ: Phó phòng giao dịch Chư Sê Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh G;

Địa chỉ: 749 - 751 H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Siu K, sinh năm: 1981 và bà Rơ Lan HLir, sinh năm: 1977;

Cùng địa chỉ: Làng Xom Pốt, xã Ia Pia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền phải thanh toán:

Ông Siu K và bà Rơ Lan H công nhận có nợ và có nghĩa vụ chung trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 491.083.652 đồng (*Bốn trăm chín mươi một triệu không trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*); tiền nợ lãi tính đến

ngày 18/4/2023 là 111.083.652 đồng (*Một trăm mười một triệu không trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng*).

2.2. Về thời hạn, phương thức trả tiền:

Ông Siu K và bà Rơ Lan H có nghĩa vụ chung thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Stông số tiền là 491.083.652 đồng (*Bốn trăm chín mươi một triệu không trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*); tiền nợ lãi tính đến ngày 18/4/2023 là 111.083.652 đồng (*Một trăm mười một triệu không trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng*) trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày 18/4/2023 đến hết ngày 18/7/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành là ngày 19/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp Ông Siu K và bà Rơ Lan H không thanh toán dứt điểm nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần St thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1426/2017/PGD-CS ngày 13/9/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Schi nhánh Gia Lai Phòng giao dịch Chư Sê với ông Siu K và bà Rơ Lan H. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất các thửa đất như sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại cánh đồng làng Som Chor, xã Ia Pia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Thửa đất số 20; tờ bản đồ số 89; diện tích 16.124 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 596067 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 21/9/2010.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã Ia Pia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Thửa đất số 108; tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 198, tờ bản đồ địa chính số 3); diện tích 2.048 m² (diện tích đất thực tế theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tại trích lục bản đồ địa chính là 1.144,5 m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 931383 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 10/01/2001.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S có nghĩa vụ trả cho ông Siu K và bà Rơ Lan H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 596067 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 21/9/2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 931383 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 10/01/2001 ngay sau khi ông Siu K và bà Rơ Lan H trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

2.4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hoà giải thành trước khi mở phiên tòa là $[20.000.000 \text{ đ} + (91.083.652 \text{ đồng} \times 4\%) : 2 = 11.821.673 \text{ đồng}]$ (*Mười một triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng*). Ông Siu K và bà Rơ Lan H tự nguyện chịu nghĩa vụ chung toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.821.673

đồng (*Mười một triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ssố tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 11.135.497 đồng (*Mười một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004857 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

2.5. Về chi phí tố tụng:

Ông Siu K và bà Rơ Lan Hphải chịu nghĩa vụ chung chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 6.842.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Ngân hàng Thương mại cổ phần Sđã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 6.842.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Ông Siu K và bà Rơ Lan Hphải có nghĩa vụ chung hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ssố tiền 6.842.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương